RAHO6	**QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN NHẬP KHẨU**	Mã số: V601-04 Ngày ban hành: 16/12/2022 Lần sửa đổi: 02 Trang/Tổng số: 1/10

CHI CỤC THÚ Y VÙNG VI
TÀI LIỆU KIỂM SOÁT

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.

2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo.

3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mã số khác với bản này phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.

CHI CỤC THÚ
TÀI LIỆU

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	NƠI NHẬN	TT	NƠI NHẬN	TT	NƠI NHẬN
☐	Chi cục trưởng	☐	P. KDĐV và TYCĐ	☐	Trạm KDĐV Vũng Tàu
☐	Phó Chi cục trưởng	☐	TT CĐXN BĐV	☐	Trạm KDĐV Mộc Bài
☐	P. Tổng hợp	☐	Trạm KDĐV TSN	☐	Trạm KDĐV Bình Hiệp
☐	P. Dịch tễ Thú y	☐	Trạm KDĐV Cảng-BĐ	☐	

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi

	Soạn thảo/ sửa đổi	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	**Trưởng Trạm KDĐV cảng-bưu điện**	**Phó Chi cục trưởng**	**Chi cục trưởng**
Chữ ký			
Họ và tên	**Trần Trung Nhân**	**Lý Hoài Vũ**	**Bạch Đức Lữu**

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch đối với các tổ chức và cá nhân làm thủ tục kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu tại Chi cục Thú y vùng VI.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

-Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nhập khẩu sản phẩm động vật trên cạn tiêu thụ trong nước.

- Phòng Tổng hợp, Phòng Kiểm dịch động vật và Thú y cộng đồng, các Trạm Kiểm dịch động vật cửa khẩu, các đơn vị liên quan trực thuộc Chi cục Thú y vùng VI thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Thú y 2015;

Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật; Thú y, Chăn nuôi;

Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;

Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa;

Nghị định 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Tiêu chau63n, Đo lường và Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu Công nghiệp, Tiêu chuẩn; Đo lường và Chất lượng sản phẩm, Hàng hóa; hoạt động Khoa học và Công nghệ, chuyển giao công nghệ, Năng lượng nguyên tử;

Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

Thông tư 35/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thông tư 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư 39/2018/TT-BTC, ngày 20/4/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư 101/2020/TT-BTC, ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/6/2019 của Bộ Khoa học Công nghệ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Thông tư 11/2019/TT-BNNPTNT, ngày 20/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Quyết định số 1767/QĐ-TYV6-TH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thú y vùng VI về việc Ban hành Danh mục chi tiết và mức giá dịch vụ kiểm tra vệ sinh thú y tại Chi cục Thú y vùng VI;

Quyết định số 1790/QĐ-TYV6-TH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thú y vùng VI về việc Ban hành Danh mục chi tiết và mức giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc khử trùng cho động vật và chẩn đoán thú y tại Chi cục Thú y vùng VI;

Quyết định số 4251/QĐ-BNN-TY ngày 27/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ (chuyên ngành Thú y);

Quyết định số 577/QĐ-TY-VP ngày 04/10/2017 của Cục Thú y về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y vùng VI,

4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)

TT25: Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016.

TT35: Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

TT09: Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022.

HS: Hồ sơ

GCNKD: Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu:

Trong quy trình này là các đơn vị kiểm dịch làm công tác kiểm dịch xuất, nhập khẩu thuộc Chi cục Thú y vùng VI bao gồm các Trạm Kiểm dịch động vật cửa khẩu trực thuộc, phòng Tổng hợp, phòng Kiểm dịch động vật và Thú y cộng đồng.

P.TH: Phòng Tổng hợp.

KDVĐV: Trong quy trình này là những người làm công tác kiểm dịch được lãnh đạo các đơn vị kiểm dịch phân công.

TTCĐXNBĐV: Trung tâm Chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật.

Chủ hàng: Trong quy trình này bao gồm tổ chức, cá nhân làm thủ tục khai báokiểm dịch.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1. Lưu đồ

TT	Trách nhiệm	Nội dung kiểm dịch	Thời gian giải quyết	Mô tả/ biểu mẫu
1	Kiểm dịch viên động vật	Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch	Trong thời gian 01 ngày làm việc	Xem 5.2.1
2	Kiểm dịch viên động vật	Lô hàng lấy mẫu để kiểm dịch Lô hàng không lấy mẫu để kiểm dịch Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu 01 ngày làm việc Dự thảo cấp giấy chứng nhận kiểm dịch Các bước xử lý lô hàng theo quy định	Từ 2 đến 5 ngày làm việc	Xem 5.2.2 đến 5.2.7
3	Kiểm dịch viên động vật	Phê duyệt của lãnh đạo chi cục Lưu hồ sơ		

5.2. Diễn giải lưu đồ

5.2.1. Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch (điểm 3a, khoản 4, Điều 1, TT35)

Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ hàng) khi nhập khẩu sản phẩm động vật trên cạn có trong danh mục tại mục số 1 của Thông tư 11/2021/TT-BNNPTNT, ngày 20/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải nộp hồ sơ khai báo kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu (mẫu 3, phụ lục V, TT25)

5.2.1.1.Hình thức nộp hồ sơ:

Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

5.2.1.2.Thành phần hồ sơ khai báo kiểm dịch:

Theo quy định tại khoản 2, Điều 45 của Luật Thú y gồm có:
a) Đơn khai báo kiểm dịch (mẫu số 03 theo phụ lục V ban hành kèm TT25);

b) Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu;

Trường hợp hồ sơ khai báo kiểm dịch không đạt yêu cầu theo quy định thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu hướng dẫn chủ hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5.2.1.3. Xác nhận địa điểm kiểm dịch (khoản 3, Điều 46 Luật Thú y)

Trong thời gian **01 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu xác nhận Đơn khai báo kiểm dịch để chủ hàng làm thủ tục hải quan và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa Điểm tiến hành kiểm dịch.

5.2.2. Nội dung kiểm dịch (khoản 2, Điều 47 Luật Thú y)

5.2.2.1. Lô hàng lấy mẫu để kiểm dịch

- Kiểm tra hồ sơ khai báo kiểm dịch

- Lấy mẫu để kiểm dịch:

a) Đối với nhóm sản phẩm động vật có nguy cơ cao:

- Lấy mẫu từng lô hàng để kiểm tra các tác nhân gây bệnh theo quy định tại khoản 4, Điều 2 của TT09.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu tại cửa khẩu, kiểm tra thực trạng hàng hóa, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển (mẫu 14b) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho theo đề nghị của chủ hàng (kho phải đủ điều kiện vệ sinh thú y); chủ hàng phải chịu trách nhiệm vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch. Trường hợp hàng

hóa là sản phẩm động vật không thể lấy mẫu tại cửa khẩu thì cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản.

Riêng đối với sản phẩm động vật đông lạnh phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

b) Đối với nhóm sản phẩm động vật có nguy cơ thấp:

- Lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại khoản 4, Điều 2 của TT09.

- Tần suất lấy mẫu như sau: Cứ 05 lô hàng lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm; nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 05 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm.

- Việc lấy mẫu kiểm dịch, kiểm tra thực trạng hàng hóa được thực hiện tại cửa khẩu hoặc kho hàng của chủ hàng đáp ứng được yêu cầu (nếu có đề nghị của chủ hàng); chủ hàng phải chịu trách nhiệm vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch.

Việc lấy mẫu để kiểm dịch của lô hàng được ghi chép vào Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (mẫu 6, phụ lục V của TT 25); lập phiếu yêu cầu xét nghiệm (theo mẫu B601-02) gửi đơn vị xét nghiệm.

5.2.2.2. Lô hàng không lấy mẫu để kiểm dịch

- Kiểm tra hồ sơ khai báo kiểm dịch

a) Đối với lô hàng thuộc nhóm nguy cơ thấp, áp dụng lấy mẫu theo tần xuất:

Trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu chỉ kiểm tra hồ sơ, nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.

b) Đối với lô hàng không có tác nhân gây bệnh theo quy định tại khoản 4, Điều 2 của TT09.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra thực trạng hàng hóa, nếu lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu đạt yêu cầu về cảm quan thì trong thời gian 01 ngày làm việc, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu.

- Trường hợp kiểm tra thực trạng hàng hóa, phát hiện lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu không đạt yêu cầu về cảm quan, lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu lý hóa, vi sinh vật gây hại, tác nhân gây bệnh theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng của Việt Nam, quy định quốc tế.

Việc kiểm tra thực trạng hàng hóa của lô hàng được ghi chép vào Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật (mẫu 7, phụ lục V của TT 25):

5.2.4. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu – xử lý lô hàng

a) Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu (mẫu 15b của TT25, TT 35) đối với lô hàng có kết quả đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan.

b) Nếu kết quả kiểm tra tác nhân gây bệnh không đạt yêu cầu

KDVĐV thuộc cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu đề xuất hướng xử lý lô hàng, trình lãnh đạo đơn vị xem xét và trình lãnh đạo chi cục phê duyệt.

5.2.4.3. Xử lý lô hàng

Nếu lô hàng không đạt yêu cầu, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện các bước xử lý lô hàng theo quy định.

5.2.5. Thu phí và lệ phí kiểm dịch

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện thu phí và lệ phí kiểm dịch theo quy định.

5.2.6. Phê duyệt của lãnh đạo chi cục

Lãnh đạo Chi cục, căn cứ dự thảo giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng (đã được lãnh đạo đơn vị kiểm dịch xem xét và đề xuất):

- Nếu đồng ý với dự thảo giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng thì lãnh đạo chi cục phê duyệt.

- Nếu không đồng ý với dự thảo giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng thì lãnh đạo chi cục yêu cầu lãnh đạo đơn vị kiểm dịch thực hiện lại các bước trên.

5.2.7. Phát hành GCNKD hoặc quyết định xử lý lô hàng.

Sau khi lãnh đạo chi cục ký giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc quyết định xử lý lô hàng; cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu gửi giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc quyết định xử lý lô hàng cho chủ hàng.

Lưu hồ sơ theo quy định.

6. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1. Hồ sơ chủ hàng nộp: - Đơn khai báo kiểm dịch (mẫu 3, phụ lục V của TT 25 và TT35) - Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu. - Công văn đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch nhập khẩu của Cục Thú y (nếu có). - Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có) 2. Hồ sơ đơn vị kiểm dịch quản lý lô hàng - Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (mẫu 6, phụ lục V của TT 25) - Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật (mẫu 7, phụ lục V của TT 25): Áp dụng đối với lô hàng không lấy mẫu và có kiểm tra thực trạng hàng hóa. - Giấy chứng nhận vận chuyển sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch (Mẫu 14b) - Phiếu yêu cầu xét nghiệm (nếu có) - Kết quả xét nghiệm (nếu có) - Giấy CNKD sản phẩm động vật nhập khẩu (mẫu 15b của TT25, TT 35). - Phiếu đề xuất hướng xử lý lô hàng (nếu có) - Công văn đề nghị xử lý lô hàng (nếu có) - Quyết định xử lý lô hàng (nếu có)	Phương pháp lưu Bản cứng trong các cặp file	Cơ quan	02 năm

7. BIỂU MẪU

Stt	Tên phụ lục/biểu mẫu	Mã hiệu
1	Phiếu yêu cầu xét nghiệm	B601-02